

Điện Bàn, ngày 16 tháng 11 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vật tư chẩn thương chỉnh hình phục vụ bệnh nhân tại bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam

Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Thị Hoà, Phòng Vật tư – thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam,.

ĐT: 02353.716.281, 0914.882.270.

E-mail: Vattu.TTBYT@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam, Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 17/11/2023 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 17/11/2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17/11/2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế:

Stt	Tên vật tư y tế	Cấu hình kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 6.0-7.0 mm, chiều rộng thân từ 18-19.0 mm, chiều dài từ 200- 300 mm, tương ứng thân nẹp 6 - 10 lỗ, sử dụng vis khoá 5.0 mm và vis vỏ 4.5 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	40	
2	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 6.0-7.0 mm, chiều rộng thân từ 17.0-18.0 mm, chiều dài Nẹp từ 150- 360 mm, tương ứng 5-10 lỗ, sử dụng vis khoá 5.0 mm và vis vỏ 4.5 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	10	

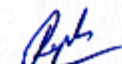
3	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 5.0-6.0 mm, chiều rộng từ 17.0-18.0 mm, chiều dài nẹp từ 120-280 mm, tương ứng với nẹp 5-10 lỗ, sử dụng vis khoá 5.0 mm và vis vỏ 4.5 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	5	
4	Nẹp khóa bản rộng	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 5.0-6.0 mm, chiều rộng từ 17.0-18.0 mm, nẹp có 5-10 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp từ 100-300 mm, sử dụng vis khoá 5.0 mm và vis vỏ 4.5 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	5	
5	Nẹp khóa bản hẹp	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 4.0-5.0 mm, chiều rộng từ 14-15 mm, nẹp có 7-10 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp từ 120-240 mm, sử dụng vis khoá 5.0 mm và vis vỏ 4.5 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	10	
6	3.5 mm Nẹp khóa bản nhỏ	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 3.0-4.0 mm, chiều rộng từ 11-12 mm, nẹp có 5-9 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp từ 70-140 mm, sử dụng vis khoá 3.5mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	10	
7	2.4 mm Nẹp khóa mặt lòng đầu dưới xương quay (Đầu 4 Lỗ) ngoài khớp	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 2.0-3.0 mm, chiều rộng từ 9.0-10.0 mm, chiều dài nẹp từ 30-70 mm, tương ứng với thân nẹp 3-5 lỗ, sử dụng vis khoá 2.4 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	10	
8	3.5 mm Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Vật liệu Titanium. Chiều dày nẹp từ 3.0-4.0 mm, chiều rộng từ 14-15 mm, chiều dài nẹp 60-120 mm, số lỗ thân nẹp 3/4/5 lỗ, sử dụng vis khoá 3.5mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	5	
9	Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác	Vật liệu Titanium.. Chiều dày nẹp từ 2.0-3.0 mm, chiều rộng từ 10.0-11.0 mm, chiều dài nẹp từ 60-120 mm, tương ứng với nẹp 4-7 lỗ, sử dụng vis khoá 3.5mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	5	
10	Vít khóa rộng ruột ren toàn phần, Tụ taro	Vật liệu Titanium Loại tụ taro, ren toàn phần rộng ruột, đường kính từ 7-8mm, chiều dài vít từ 20-120 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	80	

11	Vít khóa 5.0 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít khóa loại tự taro, đường kính 5.0 mm. Chiều dài từ 10-90 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	290	
12	Vít vỏ 4.5 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít vỏ loại tự taro, đường kính 4.5 mm. Chiều dài từ 12-80 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	80	
13	Vít khóa 3.5 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít khóa loại tự taro, đường kính 3.5 mm. Chiều dài từ 12-60 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	140	
14	Vít vỏ 3.5 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít vỏ loại tự taro, đường kính 3.5 mm. Chiều dài từ 12-50 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	30	
15	Vít khóa 2.7 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít khoá loại tự taro, đường kính 2.7 mm. Chiều dài từ 10-30 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	30	
16	Vít khóa 2.4 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít khoá loại tự taro, đường kính 2.4 mm. Chiều dài từ 6-30 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	30	
17	Vít xương xốp 6.5 ren 16 mm	Vật liệu Titanium. Vít xương xốp ren 16 mm, đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 25-100 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	20	
18	Vít xương xốp 6.5 ren 32 mm	Vật liệu Titanium. Vít xương xốp ren 32 mm, đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 40-120 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	20	
19	Vít vỏ 2.7 tự taro	Vật liệu Titanium. Vít vỏ loại tự taro, đường kính 2.7 mm. Chiều dài từ 10-30 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	10	



20	Đinh nội tủy xương chày rộng nòng đa hướng	Chất liệu titanium Đường kính từ 8 đến 10mm, dài từ 255 đến 375mm, đa hướng có 5 lỗ đầu gần và 4 lỗ đầu xa phù hợp với nhiều mức độ kết hợp thân xương chày. Dùng vít chốt ngang $\geq 4.5\text{mm}$, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	15	
21	Đinh nội tủy xương đùi rộng nòng đa hướng, titanium (dùng cho gãy vùng liên mấu chuyên và thân xương đùi)	Chất liệu titanium Đường kính từ 9mm đến 11mm, dài từ 300 đến 420mm. Loại cải tiến dùng cho gãy thân xương đùi và gãy liên mấu chuyên Loại chuẩn: dùng cho gãy thân xương đùi Dùng vít chốt ngang cố định chống xoay, chống lún đường kính $\geq 5\text{mm}$, dài từ 20 đến 100mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	5	
22	Vít chốt ngang titan	Chất liệu titanium Vít chốt ngang $\text{đk} \geq 4.5\text{mm}$, dài từ 20 đến 80mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	60	
23	Vít xóp rộng ruột ren bán phần, Tự taro	Vật liệu Titanium. Loại tự taro, ren vít bán phần rộng ruột, Đường kính từ 7-7.5 mm, chiều dài vít từ 20-120 mm, có tiết trùng (hoặc tương đương)	Cái	2	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: tại kho Phòng Vật tư – thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam, Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
 3. Thời gian giao hàng dự kiến: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
 4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không vượt quá 30% giá trị gói thầu, thanh toán theo khối lượng bàn giao, nghiệm thu hàng hoá.
 5. Các thông tin khác:
 - Bảng báo giá gồm 03 bảng gốc và đóng dấu
 - Mẫu báo giá được đính kèm theo phụ lục I.
- Rất mong được sự quan tâm của các đơn vị cung cấp./.

Nơi nhận: 

- Các đơn vị cung cấp;
- Phòng QLCL;
- Lưu VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tài



PHỤ LỤC I

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)



2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

